TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CHI NHÁNH KHU VỰC 4

Số: 299/TB-CNKV4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc cho thuê quỹ đất ngắn hạn các cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng – 02.T11.2026

Căn cứ Giấy uỷ quyền số 19/GUQ-TTPTQĐ ngày 12/11/2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất về việc thông báo cho thuê cơ sở nhà đất.

Để khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất đang được giao quản lý, phục vụ nhu cầu thực tế của các tổ chức, cá nhân. Trung tâm Phát triển quỹ đất – Chi nhánh khu vực 4 thông báo và triển khai cho thuê ngắn hạn đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Mục đích sử dụng: Mục đích cụ thể theo từng vị trí cơ sở nhà, đất tại Bảng thông tin chi tiết kèm theo Thông báo này.

2. Thời hạn cho thuê: 60 tháng

3. Điều kiện về đối tượng đăng ký tham gia thuê đất

- Người được tham gia thuê đất ngắn hạn là tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Đối với tổ chức: phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

+ Đối với cá nhân: phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

- Các trường hợp không được đăng ký tham gia thuê đất ngắn hạn:

+ Người không có năng lực hành vi dân sự; người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

+ Tổ chức, cá nhân đang nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê nhà, đất của Nhà nước; đang trong thời gian bị từ chối tiếp nhận hồ sơ tham gia thuê đất ngắn hạn theo Thông báo của Trung tâm Phát triển quỹ đất (do bỏ cọc hoặc vi phạm hợp đồng và bị chấm dứt Hợp đồng từ 02 lần liền kề của bất kỳ khu đất nào trong thời gian 12 tháng); hoặc chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng.

4. Điều kiện về đăng ký thuê đất

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất **cần đọc kỹ hướng dẫn thuê cơ sở nhà, đất; dự thảo Hợp đồng; các cam kết trong đơn đề nghị thuê đất** kèm theo Thông báo này để thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ đảm bảo đúng, đủ theo quy định. Người nộp tham gia thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn phải ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trong đơn. Trung tâm Phát triển quỹ đất không chịu trách nhiệm đối với mọi sai sót dẫn đến hồ sơ không hợp lệ (không ghi rõ ràng, ghi thiếu, nhầm lẫn,…); không có, hoặc thiếu, hoặc sai thông tin chuyển trả tiền đặt cọc cho người không được lựa chọn và các vướng mắc phát sinh từ phía tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất (nếu có).

- Việc nộp đơn đề nghị cho thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn sau khi hoàn thành việc nộp tiền đặt cọc, thành phần hồ sơ không có chứng từ nộp tiền đặt cọc được xem là hồ sơ không hợp lệ.

5. Nộp tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc là tiền đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình được quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; không khấu trừ vào tiền thuê đất; được tính bằng 10% tổng giá trị tiền thuê đất tính theo giá khởi điểm cho toàn bộ diện tích và thời gian thuê của khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn.

Các tổ chức, cá nhân tham gia nộp tiền đặt cọc theo thông báo, cụ thể:

- Tên đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng.

- Số tài khoản: 52556868 tại Ngân hàng TMCP VietinBank – Chi nhánh Sông Hàn.

- Nội dung nộp tiền: Tên người nộp + số CCCD hoặc MST + Nộp tiền đặt cọc + cơ sở nhà, đất đăng ký thuê ngắn hạn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A hoặc Công ty B 0123456789 nộp tiền đặt cọc cơ sở..., phường...

6. Hình thức nộp:

Tổ chức, cá nhân tự niêm phong hồ sơ và bỏ trực tiếp vào thùng hồ sơ niêm phong. Hồ sơ phải kèm theo chứng từ nộp tiền đặt cọc; trường hợp hồ sơ không có chứng từ nộp tiền đặt cọc kèm theo thì hồ sơ được xem là không hợp lệ.

Một tổ chức, cá nhân được quyền tham gia và nộp hồ sơ với nhiều khu đất trong danh mục nhưng một khu đất chỉ được nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký. Khi lập hồ sơ, vui lòng đọc kỹ và thực hiện đầy đủ hướng dẫn và các quy định có liên quan (nếu có); đồng thời ghi đầy đủ, chính xác và tự chịu trách nhiệm về các thông tin điền trong Đơn đề nghị thuê cơ sở nhà, đất, bao gồm:

+ Thông tin liên hệ (địa chỉ, số điện thoại).

+ Đơn giá thuê (ghi bằng số và bằng chữ, đảm bảo thống nhất).

+ Thông tin tài khoản nhận hoàn trả tiền đặt cọc (trường hợp không được lựa chọn).

+ Giá thuê phải tính theo đơn vị: **đồng/m^2 đất/năm**

7. Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ:

Chi nhánh khu vực 4:

- Địa chỉ: Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

- Số điện thoại: 0905.026.556

(Chi tiết kèm theo Thông báo này)

8. Thời gian phát hành, tiếp nhận và mở hồ sơ lựa chọn thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn

(Chi tiết các đợt kèm theo Thông báo này)

*** Lưu ý: Nộp hồ sơ trong giờ hành chính**

Thông tin chi tiết về cơ sở nhà, đất cho thuê (vị trí, mục đích sử dụng, thời hạn cho thuê, diện tích, đơn giá, tiền đặt cọc) đính kèm thông báo này.

Trung tâm Phát triển quỹ đất – Chi nhánh khu vực 4 thông báo cho các tổ chức, cá nhân được biết đăng ký tham gia thuê đất theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Ban Giám đốc Trung tâm (để báo cáo);
- UBND các xã Bà Nà, Hoà Tiến, Hoà Vang (để biết và hỗ trợ đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử TP, Tổng đài 1022 (để hỗ trợ đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm Phát triển quỹ đất (đăng tin);
- Lưu VT, P.Kỹ thuật (Đông).

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CHI NHÁNH KHU VỰC 4

Nguyễn Thanh Hùng

THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số /TB-CNKV4 ngày / /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất – Chi nhánh khu vực 4)

ĐỢT 02.11.2026 (35 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 16/11/2026 đến 17h30 ngày 20/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 4 – Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 23/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
I	**Xã Bà Nà**							
1	HTX Hòa Nhơn 3, Thôn Phước Hưng Nam	Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)	60 tháng	2.179,00	130,00	40.713	44.357.000	https://maps.app.goo.gl/NonSMwXBA1AL4cUU6
2	Nhà làm việc Hạt KL Bà Nà – Núi Chúa	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	600,00	300,00	523.867	157.160.000	https://maps.app.goo.gl/rz9Y7TLiF7zakBjG7
3	Nhà văn hóa thôn Thái Lai (cũ)	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt	60 tháng	550,00	180,00	40.118	11.032.000	https://maps.app.goo.gl/yseMaLoRwa2M18WZ7

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
		động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)						
4	Trường MN Hòa Nhơn, thôn Trước Đông	Đất Cơ sở giáo dục	60 tháng	110,00	52,00	589.600	32.428.000	https://maps.app.goo.gl/UyGJeYnYHwdw4J849
I	**Xã Hòa Tiến**							
5	Kho chứa dụng cụ phòng chống thiên tai (Đất trường mầm non Gò Hà cũ), thôn Gò Hà	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi)	60 tháng	509,40	73,42	37.636	9.586.000	https://maps.app.goo.gl/ZNhDuiMzb9zUAbwP8
6	Nhà Văn hoá thôn 5 (cũ)	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	70,00	70,00	85.989	3.010.000	https://maps.app.goo.gl/fifMX21vfxaNU3QS8
7	Nhà Văn hoá thôn Phú Sơn Nam	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	96,00	40,00	76.350	3.665.000	https://maps.app.goo.gl/ak1M1BTnPoGTuNjQ6

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
8	Nhà Văn hoá thôn Phước Sơn (cũ)	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	450,0	78,0	58.322	13.122.000	https://maps.app.goo.gl/RrZZRWufBP7BWqwR7
9	Trường MN thôn Phú Sơn 3, xã Hòa Khương (cũ)	Đất Cơ sở giáo dục	60 tháng	279,00	83,51	62.957	8.783.000	https://maps.app.goo.gl/9mWy9Aw16H6PRkw19
10	Trường mầm non Hoà Khương – Thôn 5	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	634,0	162,0	73.199	23.204.000	https://maps.app.goo.gl/i4rA277KGbYp7jf77
11	Trường mầm non Hoà Khương – Thôn Hương Lam	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	7.791,0	1.610,0	196.049	763.709.000	https://maps.app.goo.gl/PhhiKtuZkNq3YZib9
12	Trường mầm non Hoà Khương – Thôn La Châu	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt	60 tháng	232,0	90,0	53.039	6.153.000	https://maps.app.goo.gl/whXYwYGwWvofeABV7

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
		động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)						
13	Trường mầm non số 1 Hoà Tiến, thôn Bắc An	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	10 năm	227,6	75,5	Đơn giá thuê nhà (đồng/m^2 sàn/năm): 241.502	18.233.000	https://maps.app.goo.gl/9MHhM7ErcqvYXPhFA
14	Trường mầm non thôn Hương Lam (thôn 4 cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	195,00	73,00	57.991	5.654.000	https://maps.app.goo.gl/6ydXjkRbwcFxXCN26
15	Trường Tiểu học số 2 Hoà Tiến, Thôn An Trạch	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	1.292,0	244,00	301.091	194.505.000	https://maps.app.goo.gl/sS1NuhDo8E1BKfJ57
16	Đất giáo dục thôn Nam Sơn (Mầm non 2)	Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)	60 tháng	1.500,00	60,96	54.113	40.585.000	https://maps.app.goo.gl/BrTS3QvGgCmqPBAbA

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
17	Đất trường mầm non Phú Sơn Nam, thôn Phú Sơn Nam	Đất Cơ sở giáo dục	60 tháng	564,00	126,80	28.761	8.111.000	https://maps.app.goo.gl/w2WVmZFZgRhUhzKP6
18	Đất trường mầm non Phước Sơn cũ, thôn 5	Đất Cơ sở giáo dục	60 tháng	399,00	104,60	11.556	2.305.000	https://maps.app.goo.gl/MeZFnQUPfM4NjCfcA
II	**Xã Hoà Vang**							
19	Chi cục kiểm lâm - Trạm Kiểm lâm Phú Túc	Thương mại, dịch vụ	60 tháng	362,00	80,00	36.848	6.669.000	https://maps.app.goo.gl/iEA5avrJmAbyC2RE8
20	Nhà văn hóa thôn An Tân (cũ) – thôn An Tân	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi)	60 tháng	164,80	43,00	45.928	3.785.000	https://maps.app.goo.gl/avAvVnqQGSHndCKw5
21	Nhà văn hóa thôn Cẩm Toại Đông (cũ) – thôn Cẩm Toại Đông	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi)	60 tháng	281,10	42,40	42.291	5.944.000	https://maps.app.goo.gl/144kfzgW8HscyTha7
22	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm 2 (cũ) – thôn Dương Lâm 2	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi)	60 tháng	238,70	100,00	169.313	20.208.000	https://maps.app.goo.gl/dbUnTrJPWw5f3rf66
23	Nhà văn hóa thôn Hòa Xuân (cũ) – thôn Hội Phước	Thương mại dịch vụ	60 tháng	151,30	80,30	97.289	7.360.000	https://maps.app.goo.gl/ctbC1EdUMKq6eMbX6

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
24	Nhà văn hóa thôn Đồng Lăng (cũ) – thôn Đông Lâm	Thương mại, dịch vụ	60 tháng	626,20	128,60	68.715	21.515.000	https://maps.app.goo.gl/RfaiKZsAAERyiQur6
25	Phòng đọc báo tại Xã Hòa Phú (cũ) - Hội nhà báo	Thương mại, dịch vụ	60 tháng	114,00	78,80	47.991	2.735.000	https://maps.app.goo.gl/LkUE8A9scJVCZdST6
26	TAND khu vực 4 – Đà Nẵng (Trụ sở TAND huyện Hoà Vang (cũ))	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	2.271	1.232	345.294	392.082.000	https://maps.app.goo.gl/h8PExzur3HvzwZph8
27	Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 1, xã Hòa Phong (cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	141,00	41,80	89.422	6.304.000	https://maps.app.goo.gl/Qyi7FZXMzXXkJYcf8
28	Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 2, xã Hòa Phong (cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	439,00	70,00	41.396	9.086.000	https://maps.app.goo.gl/V5DaJiWnCTG9MFCo8
29	Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 3, xã Hòa Phong (cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	220,40	83,00	40.798	4.496.000	https://maps.app.goo.gl/rbdjF4vh5ixLrkDL8
30	Trường MN - Thôn Hòa Hải, xã Hòa Phú (cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	919,60	71,00	29.118	13.388.000	https://maps.app.goo.gl/maDijTHmBhKVLTu29

TT	Vị trí/Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn cho thuê	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2 đất/năm)	Tiền đặt cọc (đồng)	Vị trí khu/lô đất (link google maps)
31	Trường MN Hòa Phú - KV Thôn An Châu, xã Hòa Phú (cũ)	Cơ sở giáo dục	60 tháng	361,80	157,40	22.579	4.085.000	https://maps.app.goo.gl/hAZnbDQg3HaG4dRC8
32	Trường mầm non Hòa Phong - KV Cẩm Toại Trung 4, thôn Cẩm Toại Trung	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi)	60 tháng	287,90	81,00	40.330	5.806.000	https://maps.app.goo.gl/S1oyrjfvg33S1iyY6
33	Trường TH Hòa Phong - KV An Tân (Theo BĐ 64), thôn Đông Lâm	Cơ sở giáo dục	60 tháng	880,50	0,00	34.992	15.405.000	https://maps.app.goo.gl/ibttFuS4oSC1TY7D7
34	Trại chăn nuôi Hoà Phong, thôn Cẩm Thoại Tây	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	12.850	498	11.202	71.973.000	https://maps.app.goo.gl/AAfpsc4FdGs91R95A
35	Trụ sở làm việc cũ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tại xã Hoà Phú	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở)	60 tháng	1.647	164,6	102.581	84.476.000	https://maps.app.goo.gl/8FCsoVEex3YMsPRC8